

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2012**



Tháng 4 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 - 14

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20,735,072,543	21,294,400,557
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	119,200,004	10,621,875
1. Tiền	111		119,200,004	10,621,875
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,500,000,000	2,500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	2,500,000,000	2,500,000,000
III. Các khoản phải thu	130		4,724,881,437	4,899,881,437
1. Phải thu khách hàng	131		1,896,260,453	2,071,260,453
2. Trả trước cho người bán	132		2,465,347,894	2,465,347,894
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	363,273,090	363,273,090
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13,390,991,102	13,883,897,245
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		375,991,102	368,897,245
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	13,015,000,000	13,515,000,000
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14,208,369,437	14,084,926,221
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9,506,446,999	9,267,830,234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	3,391,162,467	3,531,585,885
- Nguyên giá	222		4,639,168,881	4,639,168,881
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,248,006,414)	(1,107,582,996)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		130,909,127	130,909,127
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130,909,127)	(130,909,127)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	6,115,284,532	5,736,244,349
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,300,000,000	3,300,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3,300,000,000	3,300,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,401,922,438	1,517,095,987
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1,401,922,438	1,517,095,987
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		34,943,441,980	35,379,326,778

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Phòng 205, Khu đô thị Đại Kim, phường Định Công
quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2012
đến ngày 31/03/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		12,146,352,595	12,118,820,646
I. Nợ ngắn hạn	310		12,097,669,823	12,070,137,874
2. Phải trả người bán	312		4,875,486,850	4,875,486,850
3. Người mua trả tiền trước	313		100,000,000	100,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	1,272,118,543	1,263,663,344
6. Chi phí phải trả	316		15,599,127	15,599,127
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	5,657,932,440	5,638,855,690
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		176,532,863	176,532,863
II. Nợ dài hạn	330		48,682,772	48,682,772
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		48,682,772	48,682,772
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22,797,089,385	23,260,506,132
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	22,797,089,385	23,260,506,132
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20,000,000,000	20,000,000,000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,451,589,036	2,451,589,036
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		243,413,863	243,413,863
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		102,086,486	565,503,233
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		34,943,441,980	35,379,326,778



Trương Đức Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 04 năm 2012

Trần Thị Mai
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	167.248.986	15.007.598.986
3. Doanh thu thuần về BH & cung cấp DV	10	6.1	167.248.986	15.007.598.986
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	138.880.000	11.537.600.000
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	20		28.368.986	3.469.998.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	112.559.900	85.326.941
7. Chi phí tài chính	22	6.4	176.000	1.656.750
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		604.169.633	659.203.820
10. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		(463.416.747)	2.894.465.357
11. Thu nhập khác	31			4.778.382
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	4.778.382
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(463.416.747)	2.899.243.739
15. Chi phí thuế TNDN	51	6.5		724.810.935
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		(463.416.747)	2.174.432.804
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	(232)	1.087



Trương Đức Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 04 năm 2012

Trần Thị Mai
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	455,247,784	17,029,157,501
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(17,961,560)	(3,072,732,255)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(743,081,550)	(2,055,646,315)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	500,000,000	6,355,691,226
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(198,186,445)	(15,427,692,184)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3,981,771)	2,828,777,973
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(643,376,629)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3,300,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	112,559,900	300,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	112,559,900	(3,643,376,629)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	108,578,129	(814,598,656)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	10,621,875	825,220,531
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	119,200,004	10,621,875



Trương Đức Thắng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 04 năm 2012

Trần Thị Mai
 Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này phản ánh kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 03 năm 2012.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ngày 31/12/2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2012. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5 - 08
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	2 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm hệ thống dự toán, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao là 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu cung cấp dịch vụ internet, thiết kế website, đào tạo tin học, cho thuê xe ô tô... doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và thu nhập khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ internet, thiết kế website, đào tạo tin học, cho thuê xe ô tô... được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ lãi tiền gửi được ghi nhận theo thông báo của ngân hàng, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trong các hoạt động mang lại doanh thu cho Công ty có các hoạt động: chuyển giao công nghệ; thiết kế website và hoạt động đào tạo được miễn giảm thuế theo quy định của Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/03/2007 của Chính phủ và Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 hướng dẫn thi hành nghị định trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với dịch vụ internet, bảo dưỡng máy tính, thuê xe ô tô và đối với hoạt động xây lắp; không chịu thuế đối với dịch vụ thiết kế website, đào tạo và chuyển giao công nghệ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/03/2011	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt VND	117.283.385	1.109.156
Tiền gửi ngân hàng	1.916.619	9.512.719
Tổng cộng	119.200.004	10.621.875

2. Đầu tư ngắn hạn

	31/03/2011	01/01/2012
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
Tổng cộng	2.500.000.000	2.500.000.000

(*) Đây là khoản cho Ông Cao Thế Thành vay số tiền 2.500.000.000 đồng trong 12 tháng kể từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 31/12/2012 với lãi suất 1,5%/tháng theo Hợp đồng vay số 01/12-HĐSRA ngày 31/12/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Tài sản ngắn hạn khác

	31/03/2011	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	13.015.000.000	13.515.000.000
Cộng	13.015.000.000	13.515.000.000

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư ngày 01/01/2012	229.078.365	3.374.818.023	1.035.272.494	4.639.168.882
Mua trong kỳ				-
Giảm khác				-
Số dư ngày 31/03/2012	229.078.365	-	1.035.272.494	4.639.168.882
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ				
Số dư ngày 01/01/2012	229.078.365	231.067.776	647.436.855	1.107.582.996
Khấu hao trong kỳ	-	105.757.609	34.665.809	140.423.418
Số dư ngày 31/03/2012	229.078.365	-	682.102.664	1.248.006.414
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2012	(0)	3.143.750.247	387.835.639	3.531.585.886
Tại ngày 31/03/2012	(0)	3.037.992.638	353.169.830	3.391.162.468

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 706.963.762 đồng.

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2011	01/01/2012
	VND	VND
Dự án Hà tây	2.704.039.439	2.324.999.256
Dự án Datacenter	3.386.455.680	3.386.455.680
Dự án Mobipaymet	24.789.413	24.789.413
Tổng cộng	6.115.284.532	5.736.244.349

6. Đầu tư dài hạn khác

	Số lượng Cổ phần	VND Giá trị (VND)
Góp vốn vào công ty Borsmi	330.000	3.300.000.000
Tổng cộng	330.000	3.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM
 Phòng 205, Khu đô thị Đại Kim, Phường Định Công
 Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Từ ngày 01/01/2012
 đến ngày 31/03/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2011	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ đang phân bổ	1.401.922.438	1.517.095.987
Tổng cộng	1.401.922.438	1.517.095.987

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2011	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	401.582.808	401.582.809
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	829.185.333	829.185.333
Thuế thu nhập cá nhân	41.350.402	32.895.202
Tổng cộng	1.272.118.543	1.263.663.344

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2011	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.938.000	1.938.000
Bảo hiểm xã hội	35.271.354	22.067.354
Bảo hiểm y tế	4.065.750	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.417.208	1.610.208
Công ty cổ phần tập đoàn Sara (*)	5.613.240.128	5.613.240.128
Tổng cộng	5.657.932.440	5.638.855.690

(*) Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 98/2012/HTKD về việc Hợp tác đầu tư, xây dựng, kinh doanh Dự án Xây dựng khu chức năng đô thị Sara tại Cầu Nối, xã Văn Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Vốn chủ sở hữu

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 01/01/2011	20.000.000.000		105.684.142	386.668.753	20.492.352.895
Tăng vốn năm trước			-		-
Lãi năm trước				2.754.594.422	2.754.594.422
Số dư ngày 01/01/2012	20.000.000.000	2.451.589.036	243.413.863	565.503.233	23.260.506.132
Lãi trong kỳ	-		-	(463.416.747)	(463.416.747)
Phân phối lợi nhuận trong kỳ			-		-
Số dư ngày 31/03/2011	20.000.000.000	2.451.589.036	243.413.863	102.086.486	22.797.089.385

b) Cổ phiếu

	31/03/2011	01/01/2012
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông:	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu lưu hành là: 10.000 đồng		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	167.248.986	15.007.598.986
<u>Trong đó</u>		
Doanh thu hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN	4.388.986	15.004.988.986
Hoạt động khác	4.388.986	4.988.986
Doanh thu xây dựng		15.000.000.000
Doanh thu hoạt động được ưu đãi thuế TNDN	162.860.000	2.610.000
Dịch vụ thiết kế website, phần mềm	162.860.000	2.610.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	167.248.986	15.007.598.986

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
	VND	VND
Giá vốn hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN	-	11.522.000.000
Xây dựng		11.522.000.000
Giá vốn hoạt động được ưu đãi thuế TNDN	138.880.000	15.600.000
Dịch vụ thiết kế website, phần mềm	138.880.000	15.600.000
Tổng cộng	138.880.000	11.537.600.000

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	112.559.900	85.326.941
Tổng cộng	112.559.900	85.326.941

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
	VND	VND
Chi phí tài chính khác	176.000	1.656.750
Tổng cộng	176.000	1.656.750

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Phòng 205, Khu đô thị Đại Kim, Phường Định Công
Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2012
đến ngày 31/03/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(463.416.747)	2.174.432.804
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu	(463.416.747)	2.174.432.804
Cổ phiếu lưu hành bình quân	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(232)	1.087

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/03/2012:****Phải thu**

	31/03/2011	01/01/2012
	VND	VND
Cty CP công nghệ Hùng Phát	245.500.000	420.500.000
Công ty cổ phần đầu tư XD Sara 425	363.273.090	363.273.090
Công ty CP Sara Hà Nội	800.000.000	800.000.000
Công ty CP Bosrmi	670.000.000	
Công ty CP Sara Window	70.000.000	
Công ty CP Viễn thông Sara	60.000.000	

Phải trả

Công ty CP Đầu tư xây dựng công nghệ thương mại Sara	548.261.293	548.261.293
Công ty CP tập đoàn Sara	5.613.240.128	5.613.240.128



Trương Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Trần Thị Mai
Kế toán trưởng

Số: 84./SARAVN-VPVv: Giải trình lợi nhuận quý I năm 2012 giám
so với cùng kỳ năm 2011

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2012

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Mục IV khoản 1 Thông tư 38/2007/TT/BTC ban hành ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán. Theo đó các công ty niêm yết phải công bố định kỳ báo cáo tài chính quý. Công ty Cổ phần SARA Việt Nam đã tiến hành lập Báo cáo Tài chính Quý I năm 2012 theo mẫu của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trong quý I năm 2012, Công ty chủ yếu đầu tư vào các dự án nên doanh thu giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước. Quý I năm 2011 do Công ty chuyển nhượng phần đầu tư dự án 13/10 nên có doanh thu tương đối cao. Sang quý I năm 2012 doanh thu chủ yếu là hoạt động tài chính và dịch vụ phần mềm, thiết kế website. Do chi phí quản lý cao, doanh thu không đủ để chi phí nên quý I năm nay lỗ **463.416.747đ**

Chi tiết như sau:

Nội dung	Doanh thu	Giá vốn /Chi phí	Lợi nhuận
Hoạt động phần mềm, website	167.248.986	138.880.000	28.368.986
Doanh thu hoạt động tài chính	112.559.900	176.000	112.383.900
Chi phí quản lý doanh nghiệp		604.169.633	
Tổng	279.808.886	743.225.633	- 463.416.747

Mọi thông phản hồi xin liên hệ: Công ty Cổ phần Sara Việt Nam.

Địa chỉ: Tầng 4 toàn nhà Kinh Đô, 292 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 043 5380817

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

**Trương Đức Thắng**